



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	Ủy viên
Ông Aizawa Motoya	Ủy viên
Ông Hiramoto Hiroshi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Ủy viên
Bà Kyu Seihin	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hiramoto Hiroshi	Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Bà Trần Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/02/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/03/2014
Bà Phạm Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/03/2014
Bà Hoàng Thị Mai Lan	Ủy viên	
Bà Đặng Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014



Số: 1221/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 08, tại ngày 30/06/2014, giá trị tài sản đảm bảo của các khoản phải thu dài hạn khác đang thấp hơn giá trị các khoản phải thu là 4.336 triệu đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ phải thu này, dẫn đến chỉ tiêu "Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh đang phản ánh cao hơn với số tiền tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		79.532.227.502	62.820.145.763
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	21.490.885.242	8.744.643.554
111	1. Tiền		21.490.885.242	8.744.643.554
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	36.274.410.361	34.130.954.463
121	1. Đầu tư ngắn hạn		36.274.410.361	34.130.954.463
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	21.095.182.668	19.357.892.964
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		19.417.496.800	19.109.663.686
138	5. Các khoản phải thu khác		1.719.884.652	290.428.062
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(42.198.784)	(42.198.784)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		671.749.231	586.654.782
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		631.547.731	435.751.356
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	64.789.926
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	40.201.500	86.113.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.447.691.892	8.294.385.924
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	6.764.787.136	6.764.787.136
218	4. Phải thu dài hạn khác		6.764.787.136	6.764.787.136
220	II. Tài sản cố định		924.610.943	907.466.628
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	402.040.105	494.818.591
222	- Nguyên giá		2.930.333.311	2.930.333.311
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.528.293.206)	(2.435.514.720)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	522.570.838	412.648.037
228	- Nguyên giá		2.448.072.420	2.235.072.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.925.501.582)	(1.822.424.383)
260	V. Tài sản dài hạn khác		758.293.813	622.132.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		48.956.324	68.339.483
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	11	639.313.101	483.768.289
268	4. Tài sản dài hạn khác		70.024.388	70.024.388
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		87.979.919.394	71.114.531.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		45.120.854.652	28.291.381.734
310	I. Nợ ngắn hạn		45.120.854.652	28.291.381.734
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	23.288.419.892	13.358.498.481
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	311.831.464	183.245.827
315	5. Phải trả người lao động		524.664.000	492.082.369
316	6. Chi phí phải trả	14	457.795.288	764.503.357
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	20.538.144.008	13.493.051.700
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.859.064.742	42.823.149.953
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	42.859.064.742	42.823.149.953
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		325.801.831	261.727.674
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		344.013.296	279.939.139
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.189.249.615	1.281.483.140
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		87.979.919.394	71.114.531.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
	Đồng Đô la Mỹ (USD)	38.741,08	947,68
	Đồng Yên Nhật (JPY)	1.512	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	158.416.150.000	169.402.640.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	150.662.540.000	158.539.800.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	82.477.500.000	84.265.820.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	68.185.040.000	74.273.980.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	7.752.410.000	10.441.550.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	7.747.410.000	10.441.050.000
030	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	5.000.000	500.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	1.200.000	421.290.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	180.370.000
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.200.000	240.920.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	1.813.420.000	1.813.420.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	1.813.420.000	1.813.420.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	1.708.840.000	1.708.840.000
059	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	104.580.000	104.580.000

Khổng Thị Hương
Người lập

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng




Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	10.870.724.399	9.476.371.354
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5.118.245.663	6.436.039.141
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		21.097.534	9.722.777
01.9	Doanh thu khác		5.731.381.202	3.030.609.436
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	10.870.724.399	9.476.371.354
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	6.883.892.095	5.142.786.623
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.986.832.304	4.333.584.731
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.503.721.121	2.618.492.049
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.483.111.183	1.715.092.682
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.483.111.183	1.715.092.682
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	296.622.237	428.773.168
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.186.488.946</u>	<u>1.286.319.514</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	289	314


Khổng Thị Hương
Người lập


Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng


Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.483.111.183	1.715.092.682
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		195.855.685	206.780.785
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.443.203.130)	(2.698.626.565)
06	- Chi phí lãi vay		750.038.436	599.821.507
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.197.826)	(176.931.591)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(530.623.036)	4.094.469.584
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.816.087.460	(2.563.742.598)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(176.413.216)	(241.642.367)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(755.615.237)	(572.451.507)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(142.791.463)	(227.688.672)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.912.000	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(219.618.969)	(230.680.958)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.022.739.713	81.331.891
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(213.000.000)	(109.276.273)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.439.181.533)	(6.400.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.295.725.635	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.236.536.462	1.052.209.901
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.119.919.436)	(5.457.066.372)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		149.255.307.714	57.925.260.309
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(139.325.386.303)	(57.461.585.030)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.086.500.000)	(1.669.417.212)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.843.421.411	(1.205.741.933)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		12.746.241.688	(6.581.476.414)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		8.744.643.554	15.305.542.029
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>21.490.885.242</u>	<u>8.724.065.615</u>


Khổng Thị Hương
Người lập


Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng


Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		261.727.674	64.074.157	-	325.801.831
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		279.939.139	64.074.157	-	344.013.296
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.281.483.140	1.186.488.946	(1.278.722.471)	1.189.249.615
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	42.823.149.953	1.314.637.260	(1.278.722.471)	42.859.064.742

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	01/01/13 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/13 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		147.387.195	114.340.479	-	261.727.674
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		165.598.660	114.340.479	-	279.939.139
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.286.809.582	1.286.319.514	(2.097.361.916)	1.475.767.180
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	43.599.795.437	1.515.000.472	(2.097.361.916)	43.017.433.993


Không Thị Hương
Người lập


Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng


Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng; tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của người đầu tư	130.861.192	1.854.491.283.600
- Cổ phiếu	130.861.192	1.854.491.283.600
	<u>130.861.192</u>	<u>1.854.491.283.600</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.308.523.527	453.863.776
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	20.182.361.715	8.290.779.778
	<u>21.490.885.242</u>	<u>8.744.643.554</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	36.274.410.361	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn ủy thác đầu tư (2)	6.274.410.361	4.130.954.463
	36.274.410.361	34.130.954.463

(1) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 năm lãi suất 8%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng giá trị là 30.000.000.000 đồng. Lãi trả sau, tiền gốc và lãi trả một lần vào ngày đáo hạn.

(2) Khoản ủy thác đầu tư giữa Công ty Cổ phần quản lý quỹ Đầu tư MB và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm 2 hợp đồng quản lý danh mục đầu tư sau:

* Hợp đồng quản lý danh mục ủy thác đầu tư số 02.0413/QLDMDT/MBCapital-JSI. Tại ngày 30/06/2014 chi tiết tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản trên tài khoản ủy thác đầu tư như sau:

Tiền mặt: 111.238.923 đồng

Phải thu tiền bán chứng khoán 3 ngày cuối: 54.743.202 đồng

* Hợp đồng quản lý danh mục ủy thác đầu tư số 02.0414/QLDMDT/MBCapital-JSI ngày 15/04/2014, thời gian ủy thác 02 năm. Tại ngày 30/06/2014 chi tiết tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản trên tài khoản ủy thác đầu tư như sau:

Tiền mặt: 8.428.236 đồng

Danh mục đầu tư:

STT	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá mua	Giá thị trường	Tăng/ giảm so với giá thị trường
1	MBVF	610.000	6.100.000.000	6.411.100.000	311.100.000
			6.100.000.000	6.411.100.000	311.100.000

Giá thị trường là giá lấy theo báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngày 30/06/2014 của CTCP Quản lý quỹ Đầu tư MB đối với Quỹ đầu tư giá trị MB Capital do ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (VN) làm giám sát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2014		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2014		Tổng số dư phòng	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Số dư phòng VND
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.109.663.686	-	669.397.122.982	669.089.289.868	19.417.496.800	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	174.985.621	-	4.927.624.442	4.917.850.811	184.759.252	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin của khách hàng trong nước	17.944.804.835	-	446.187.774.909	448.522.828.088	15.609.751.656	-	-	-
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	989.873.230	-	218.281.723.631	215.648.610.969	3.622.985.892	-	-	-
Các khoản phải thu khác	290.428.062	60.283.977	2.484.628.072	1.055.171.482	1.719.884.652	60.283.977	-	(42.198.784)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	182.333.338	-	1.206.666.668	-	1.389.000.006	-	-	-
- Phải thu khác	108.094.724	60.283.977	1.277.961.404	1.055.171.482	330.884.646	60.283.977	-	(42.198.784)
	19.400.091.748	60.283.977	671.881.751.054	670.144.461.350	21.137.381.452	60.283.977	-	(42.198.784)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	40.201.500	86.113.500
	40.201.500	86.113.500

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác (*)	6.764.787.136	6.764.787.136
<i>Phải thu Ông Ngô Lê Quý</i>	<i>1.907.197.099</i>	<i>1.907.197.099</i>
<i>Phải thu Ông Vũ Mạnh Hùng</i>	<i>4.849.573.318</i>	<i>4.849.573.318</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>8.016.719</i>	<i>8.016.719</i>
	6.764.787.136	6.764.787.136

(*) Phản ánh khoản phải thu nhà đầu tư theo hợp đồng dịch vụ hỗ trợ tài chính giữa nhà đầu tư và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy mà Công ty đã trả thay cho nhà đầu tư. Khoản phải thu nhà đầu tư được đảm bảo bằng tài sản hiện có trong tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và một số tài khoản bảo lãnh căn cứ theo hợp đồng ký quỹ giao dịch chứng khoán giữa nhà đầu tư và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản. Tại thời điểm 30/06/2014, tổng giá trị tài sản đảm bảo của trong tài khoản chứng khoán hiện có là 2.428.620.000 đồng.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	1.113.341.831	1.816.991.480	2.930.333.311
Tại ngày 30/06/2014	1.113.341.831	1.816.991.480	2.930.333.311
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	618.523.240	1.816.991.480	2.435.514.720
Trích khấu hao	92.778.486	-	92.778.486
Tại ngày 30/06/2014	711.301.726	1.816.991.480	2.528.293.206
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	494.818.591	-	494.818.591
Tại ngày 30/06/2014	402.040.105	-	402.040.105

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.816.991.480 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	2.078.465.600	156.606.820	2.235.072.420
Mua sắm	213.000.000	-	213.000.000
Tại ngày 30/06/2014	2.291.465.600	156.606.820	2.448.072.420
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1.665.817.563	156.606.820	1.822.424.383
Trích khấu hao	103.077.199	-	103.077.199
Tại ngày 30/06/2014	1.768.894.762	156.606.820	1.925.501.582
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	412.648.037	-	412.648.037
Tại ngày 30/06/2014	522.570.838	-	522.570.838

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.652.109.220 VND.

11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	466.786.496	308.935.179
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	52.526.605	54.833.110
Số dư cuối kỳ	639.313.101	483.768.289

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2014	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2014
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	13.358.498.481	149.255.307.714	(139.325.386.303)	23.288.419.892
Vay ngắn hạn	13.358.498.481	149.255.307.714	(139.325.386.303)	23.288.419.892
	13.358.498.481	149.255.307.714	(139.325.386.303)	23.288.419.892

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ⁽¹⁾	17.938.782.151	13.358.498.481
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽²⁾	5.349.637.741	-
	23.288.419.892	13.358.498.481

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng cấp hạn mức thanh toán số 00122/2013/0001236 ngày 25 tháng 11 năm 2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thanh toán ngày 09 tháng 12 năm 2013 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức thanh toán số tiền: 24.010.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ các giao dịch điều chuyển vốn nội bộ và thanh toán nợ vay tại BIDV;
 - + Thời hạn của hạn mức thanh toán: đến hết ngày 25/11/2014;
 - + Phí suất và phí sử dụng hạn mức thanh toán: Phí suất là 8%/năm; Phí sử dụng hạn mức thanh toán được tính và cộng dồn hàng ngày trên cơ sở hạn mức thanh toán mà khách hàng sử dụng thực tế và được tự động hạch toán thu từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty vào ngày 25 hàng tháng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại BIDV với tổng giá trị là 24.500.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng cấp hạn mức thanh toán số 13.2891860.01/HĐHMTC ngày 27/12/2013 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức thanh toán số tiền: 5.390.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ các giao dịch điều chuyển vốn nội bộ và thanh toán nợ vay tại BIDV;
 - + Thời hạn của hạn mức thanh toán: đến hết ngày 12/12/2014;
 - + Phí suất và phí sử dụng hạn mức thanh toán: như hợp đồng 00122/2013/0001236;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại BIDV với tổng giá trị là 5.500.000.000 đồng.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.978.616	801.784
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	89.040.848	-
Thuế Thu nhập cá nhân	220.812.000	182.444.043
	311.831.464	183.245.827

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương tháng 13	238.648.378	452.629.390
Phí giao dịch, phí lưu ký	63.329.889	85.464.844
Chi phí kiểm toán	35.750.000	42.500.000
Chi phí lãi vay phải trả	15.036.562	20.613.363
Chi phí phải trả khác	105.030.459	163.295.760
	457.795.288	764.503.357

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.182.361.715	13.267.237.998
Các khoản phải trả, phải nộp khác	355.782.293	225.813.702
	20.538.144.008	13.493.051.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Ký kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
6 tháng đầu năm 2013							
Tại ngày 01/01/2013	41.000.000.000	-	-	147.387.195	165.598.660	2.286.809.582	43.599.795.437
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.286.319.514	1.286.319.514
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	114.340.479	114.340.479	(228.680.958)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.640.000.000)	(1.640.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(114.340.479)	(114.340.479)
Thù lao trả cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(114.340.479)	(114.340.479)
Tại ngày 30/06/2013	41.000.000.000	-	-	261.727.674	279.939.139	1.475.767.180	43.017.433.993
6 tháng đầu năm 2014							
Tại ngày 01/01/2014	41.000.000.000	-	-	261.727.674	279.939.139	1.281.483.140	42.823.149.953
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.186.488.946	1.186.488.946
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	64.074.157	64.074.157	(128.148.314)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.086.500.000)	(1.086.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(64.074.157)	(64.074.157)
Tại ngày 30/06/2014	41.000.000.000	-	-	325.801.831	344.013.296	1.189.249.615	42.859.064.742

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15 tháng 03 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ %	VND
Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối quý	100,00%	1.281.483.140
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	64.074.157
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,00%	64.074.157
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	64.074.157
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	84,78%	1.086.500.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,22%	2.760.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	10,00%	4.100.000.000	10,00%	4.100.000.000
Công ty Chứng khoán Aizawa	14,50%	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000
Công ty TNHH Japan Asia Holdings Limited	14,50%	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Tanmark	20,00%	8.200.000.000	20,00%	8.200.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	41,00%	16.810.000.000	41,00%	16.810.000.000
	100%	41.000.000.000	100%	41.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	41.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	41.000.000.000	41.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	41.000.000.000	41.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.086.500.000	1.640.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	1.086.500.000	1.640.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu	10.870.724.399	9.476.371.354
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.118.245.663	6.436.039.141
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	21.097.534	9.722.777
- Doanh thu khác	5.731.381.202	3.030.609.436
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10.870.724.399	9.476.371.354

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	662.737.504	586.826.256
Chi phí khác	1.629.390.921	634.738.370
Chi phí trực tiếp chung	4.591.763.670	3.921.221.997
	6.883.892.095	5.142.786.623

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.695.676.405	1.816.122.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.778.486	99.785.370
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.683.492	649.761.132
Chi phí khác bằng tiền	34.582.738	49.823.535
	2.503.721.121	2.618.492.049

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.483.111.183	1.715.092.682
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	1.483.111.183	1.715.092.682
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	296.622.237	428.773.168
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	296.622.237	428.773.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(64.789.926)	(127.599.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(142.791.463)	(227.688.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	89.040.848	73.484.837

(*) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% theo Quy định tại Chương II, điều 11 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 áp dụng cho Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.186.488.946	1.286.319.514
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.186.488.946	1.286.319.514
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	289	314

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.490.885.242	-	8.744.643.554	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	27.902.168.588	(42.198.784)	26.164.878.884	(42.198.784)
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	6.274.410.361	-	4.130.954.463	-
	85.667.464.191	(42.198.784)	69.040.476.901	(42.198.784)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	23.288.419.892	13.358.498.481
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	20.538.144.008	13.493.051.700
Chi phí phải trả	457.795.288	764.503.357
	44.284.359.188	27.616.053.538

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản trương đương tiền	21.490.885.242	-	-	21.490.885.242
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	21.095.182.668	6.764.787.136	-	27.859.969.804
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	6.274.410.361	-	-	6.274.410.361
	78.860.478.271	6.764.787.136	-	85.625.265.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Tại ngày 01/01/2014

Tiền và các khoản tương đương tiền	8.744.643.554	-	-	8.744.643.554
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	19.357.892.964	6.764.787.136	-	26.122.680.100
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	4.130.954.463	-	-	4.130.954.463
	62.233.490.981	6.764.787.136	-	68.998.278.117

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	23.288.419.892	-	-	23.288.419.892
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	20.538.144.008	-	-	20.538.144.008
Chi phí phải trả	457.795.288	-	-	457.795.288
	44.284.359.188	-	-	44.284.359.188

Tại ngày 01/01/2014

Vay và nợ	13.358.498.481	-	-	13.358.498.481
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	13.493.051.700	-	-	13.493.051.700
Chi phí phải trả	764.503.357	-	-	764.503.357
	27.616.053.538	-	-	27.616.053.538

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	5.118.245.663	5.752.478.736	10.870.724.399
Chi phí bộ phận trực tiếp	662.737.504	1.629.390.921	2.292.128.425
Chi phí không phân bổ	-	-	7.095.484.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.455.508.159	4.123.087.815	1.483.111.183
Tài sản bộ phận trực tiếp	21.161.893.389	25.691.907.161	46.853.800.550
Tài sản không phân bổ	-	-	41.126.118.844
Tổng tài sản	21.161.893.389	25.691.907.161	87.979.919.394
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	20.182.361.715	-	20.182.361.715
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	24.938.492.937
Tổng nợ phải trả	20.182.361.715	-	45.120.854.652

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Phí môi giới			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	211.342.114	1.684.755.870
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	1.085.671.889	1.450.939.070
Phí dịch vụ cung cấp thông tin			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	248.861.500	157.369.023
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu phí và thuế bán chứng khoán			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	14.164.710	15.586.639
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	91.602.290	108.330.389
Phải thu khác			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	187.207.500	20.094.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

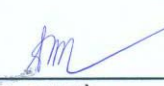
	<u>6 tháng</u>	<u>6 tháng</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	258.090.873	528.803.431

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.



Khổng Thị Hương
Người lập



Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014